TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2018/HNGĐ-PT
Ngày 30-7-2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Ngọc Dũng

Các Thẩm phán: Bà Đặng Hồ Điệp

Bà Phạm Thị Thanh Bình

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Bùi Thị Thu Hương-Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thanh Bình-Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 19/2018/TLPT-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 21/2018/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 5 năm 2018 của Toà án nhân dân quận HA, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1529/2018/QĐ-PT ngày 17 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị D, sinh năm 1981; nơi cư trú: Phường HL, thành phố P, tỉnh GL; vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Đỗ Văn T, sinh năm 1967; nơi cư trú: Đường HĐ, phường ĐH, quận HA, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Anh Đỗ Văn T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các bản tự khai, nguyên đơn Chị Phạm Thị D trình bày: Chị D và anh T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2005, đến tháng 4 năm 2014 thì đăng ký kết hôn tại UBND phường ĐH, quận HA. Sau khi đăng ký kết hôn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T thay đổi tính cách, thường

xuyên uống rượu, không làm kinh tế để phụ giúp gia đình. Nhiều lần say rượu anh T chửi mắng, đánh chị D. Chị D đã khuyên anh T nhiều lần nhưng anh T không thay đổi. Tháng 11 năm 2017, anh T và em trai đã đánh chị D, chị D đã phải nhờ Công an phường ĐH can thiệp. Không thể chịu đựng được cuộc sống chung nên tháng 11 năm 2017 chị D đã cùng các con chuyển đi nơi khác sinh sống, anh chị sống ly thân từ đó đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không có kết quả, nay chị D xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên chị D đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Bị đơn Anh Đỗ Văn T trình bày: Thống nhất với trình bày của chị D về điều kiện kết hôn, anh trình bày thêm trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, anh T công nhận có một vài lần đánh chị D do say rượu nhưng anh đã nhận biết mình sai. Tháng 11 năm 2017, chị D cùng các con đã trốn đi nơi khác sống, anh chị đã sống ly thân từ đó đến nay. Tuy vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng anh vẫn còn tình cảm với chị D, anh T muốn vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con cái.

Về con chung: Chị D và anh Tthống nhất trình bày có 03 con chung Đỗ Trọng B, sinh ngày 02/7/2006; Đỗ Phương M, sinh ngày 07/10/2012; Đỗ Hoàng S, sinh ngày 11/7/2016. Chị D và anh T đều đề nghị được nhận nuôi cả ba con nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị D và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị D và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Với nội dung trên, tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 21/2018/HNGĐ-ST ngày 23/5/2018 của Tòa án nhân dân quận HA, thành phố Hải Phòng quyết định:

Căn cứ các điều 28, 35,39,147,235,273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 19, 56, 69, 81, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị D được ly hôn với Anh Đỗ Văn T.

2. Về con chung:

- Giao con chung Đỗ Phương M, sinh ngày 07/10/2012 và Đỗ Hoàng S, sinh ngày 11/7/2016 cho chị D chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

- Giao con chung Đỗ Trọng B, sinh ngày 02/7/2006 cho anh T nuôi dưỡng đến khi trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị D và anh Tkhông yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Do Chị D và anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/6/2018 bị đơn Anh Đỗ Văn T kháng cáo không đồng ý ly hôn, nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn anh T đề nghị giao cả 3 con chung cho anh T nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Chị Phạm Thị D vắng mặt tại phiên tòa, chị có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt.

Anh Đỗ Văn T trình bày: Anh vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Ngoài ra anh còn trình bày, trước đây anh thường xuyên uống rượu và có lần đánh vợ nhưng sau đó anh đã nhận ra lỗi và khắc phục, sửa chữa. Anh thấy vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng anh vẫn còn tình cảm với chị D, anh T muốn vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con cái.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung kháng cáo: Anh T thừa nhận trước đây thường xuyên có việc uống rượu và có lần đánh vợ dẫn đến tháng 11/2017 chị D phải dẫn con bỏ nhà đi, từ đó đến nay anh chị sống ly thân. Xét quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh T mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xử cho chị D được ly hôn với anh T là có căn cứ. Chị D và anh T có ba con, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét cháu S dưới 36 tháng tuổi, cháu M còn nhỏ lại là con gái và điều kiện hoàn cảnh kinh tế và nguyện vọng của các bên nên giao cháu M, cháu S cho chị D, giao cháu B +cho anh T nuôi dưỡng là có cơ sở nên yêu cầu kháng cáo của anh T không được chấp nhận. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của anh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, cũng như lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Viện Kiểm sát tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1]. Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa phúc thẩm, chị D vắng mặt nhưng có gửi đơn xin được xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị D theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung kháng cáo:

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Tại bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm anh T đều thừa nhận trong quá trình chung sống anh chị có phát sinh mâu thuẫn do anh thường xuyên uống rượu, đã có lần anh T đánh chị D, tuy chị D không còn tình cảm với anh nhưng anh T xác định vẫn còn tình cảm với chị D nên không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp nào khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Qua xác minh tại địa phương và gia đình cho thấy, quá trình chung sống anh T và chị D có phát sinh mâu thuẫn, đã có lần được chính quyền địa phương can thiệp và được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành. Từ tháng 11 năm 2017 đến nay, chị D cùng các con bỏ đi nơi khác sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Xét quan hệ hôn nhân giữa Chị D và anh T mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị D được ly hôn với anh T là có căn cứ.

[4]. Về nuôi con chung: Chị D và anh Tcó 03 con chung là Đỗ Trọng B, sinh ngày 02/7/2006; Đỗ Phương M, sinh ngày 07/10/2012; Đỗ Hoàng S, sinh ngày 11/7/2016. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét cháu S dưới 36 tháng tuổi, cháu M còn nhỏ lại là con gái và điều kiện hoàn cảnh kinh tế của cả hai vợ chồng nên đã quyết định giao 02 con nhỏ là cháu M và cháu S cho chị D nuôi dưỡng, giao con lớn là cháu B cho anh T nuôi dưỡng là hoàn có cơ sở nên không chấp nhận yêu cầu đề nghị được nuôi cả 3 con chung của anh T. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng kháng cáo của anh T không có cơ sở chấp nhận.

[5]. Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của anh T không được chấp nhận nên anh T phải nộp án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 56; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 148; khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27; Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Anh Đỗ Văn T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Phạm Thị D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị D được ly hôn với Anh Đỗ Văn T.

2. Về nuôi con chung:

- Giao hai con chung Đỗ Phương M, sinh ngày 07/10/2012 và Đỗ Hoàng S, sinh ngày 11/7/2016 cho chị D chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật;

- Giao con chung Đỗ Trọng B, sinh ngày 02/7/2006 cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D và anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị D và anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị D phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số 0016191 ngày 04/4/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận HA, thành phố Hải Phòng. Chị D đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Đỗ Văn T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số 0016304 ngày 11/6/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận HA, thành phố Hải Phòng. Anh T đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND quận HA;
- Chi cục THADS quận HA;
- UBND phường ĐH, quận HA;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lương Ngọc Dũng